*Theo Quyết định số 3986/QĐ-BYT ngày 16/9/2020*

**Phụ lục XI**

**DANH MỤC TRANG THIẾT BỊ VÀ PHƯƠNG TIỆN KIỂM SOÁT NHIỄM KHUẨN CẦN BỔ SUNG CHO BỆNH VIỆN ĐA KHOA TUYẾN TỈNH ĐIỀU TRỊ NGƯỜI BỆNH NGHI NHIỄM COVID-19 VÀ NGƯỜI BỆNH VÙNG CÁCH LY CHUYỂN LÊN (100 giường bệnh)**

*(Kèm theo Quyết định số 1060 /QĐ-UBND ngày 15/11/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum)*

## 1. Phương tiện, trang thiết bị tại khu vực khám, sàng lọc

| STT | Nội dung | Số lượng | Ghi chú |
|---|---|---|---|
| 1 | Xe thủ thuật inox 2 tầng đặt trong các buồng cách ly | 25 | |
| 2 | Nhiệt kế điện tử | 03 | |
| 3 | Hộp đựng khăn lau tay | 10 | |
| 4 | Tủ đựng phương tiện phòng hộ | 03 | |
| 5 | Chậu đựng hóa chất có nắp đậy kín loại 20l | 25 | |
| 6 | Xe vệ sinh (3 tầng có móc treo cây lau và túi đựng đầu lau) | 03 | |
| 7 | Hệ thống rửa, khử khuẩn xe ô tô vận chuyển người bệnh: bơm tăng áp, vòi xịt, bình phun tay hóa chất khử khuẩn cloramin B, thiết bị xì khô | 01 | |
| 8 | Máy giặt đồ vải | 02 hiếc | |
| 9 | Máy sấy đồ vải | 01 hiếc | |
| 10 | Khăn lau bề mặt thấm hút tốt | 900 cái (3 màu xanh/đỏ/vàng, 100 cái cho mỗi màu) | |
| 11 | Khăn lau bề mặt không thấm | 900 cái (3 màu xanh/đỏ/vàng, 100 cái cho mỗi màu) | |
| 12 | Đầu lau sàn nhà | 450 cái (3 màu xanh/đỏ/vàng, 180 cái cho mỗi màu) | |
| 13 | Đầu lau cho cây đẩy khô | 450 cái (3 màu xanh/đỏ/vàng, 150 cái cho mỗi màu) | |
| 14 | Cây đẩy khô sàn nhà | 36 chiếc (3 màu khác nhau,12 chiếc cho mỗi màu) | |
| 15 | Cây lau sàn nhà | 36 chiếc (3 màu khác nhau, 12 chiếc cho mỗi màu) | |
| 16 | Chổi nhựa quét sân, vườn | 03 | |
| 17 | Xô lau nhà | 03 chiếc (3 màu khác nhau) | |
| 18 | Thùng gom đồ vải bẩn 240 lít có nắp đậy kín | 06 | |
| 19 | Thùng rác màu vàng loại 120 lít, có nắp đậy kín | 03 | |

| | | | |
|---|---|---|---|
| 20 | Bình nhựa (0,5-1lít) có vòi xịt để đựng hoá chất cloramin B sau khi pha | 15 | |

**2. Danh mục: Phương tiện bảo hộ và chống nhiễm khuẩn:** (*sử dụng cho 60 người nghi nhiễm đến khám, 03 bác sĩ, 03 điều dưỡng/ca x 2 ca/ngày, trong 3 tuần*)

| STT | Tên mặt hàng | Căn cứ | Đơn vị tính | Số lượng |
|---|---|---|---|---|
| 1 | Găng tay rửa bằng cao su, dùng nhiều lần | 3 đôi/ngày | đôi | 63 |
| 2 | Găng khám, dùng 01 lần | 2 đôi/người bệnh/ngày | 100c/hộp | 2500 đôi (25 hộp) |
| 3 | Găng tay vô khuẩn | 1 đôi/người bệnh/ngày | đôi | 1.260 đôi |
| 4 | Găng tay dài | 3 đôi/ngày | đôi | 63 |
| 5 | Bộ quần áo chống dịch dùng 01 lần<br>- Bộ quần áo theo Tiêu chuẩn Châu Âu: EN 13795-2011<br>- Bộ quần áo theo Tiêu chuẩn Mỹ: ASTM F2407-06 | 3 bộ/nhân viên y tế/lần/<br>6 nhân viên y tế/ngày | bộ | 378 bộ |
| 6 | Khẩu trang ngoai khoa<br>- Khẩu trang Việt Nam: theo TCVN 8389-2:2010<br>- Khẩu trang Mỹ: theo Tiêu chuẩn ASTM F2100-11<br>- Khẩu trang Châu Âu: theo tiêu chuẩn EN14683-2014 | 3chiếc/nhân viên y tế/22 nhân viên y tế /ngày<br>3 chiếc/người bệnh/60 người bệnh/ngày | cái | 5.200 |
| 7 | Mũ phẫu thuật trùm kín tai, cổ | 3 bộ/ nhân viên y tế /6 nhân viên y tế /ngày | 100 cái/túi | 378 cái (4 hộp) |
| 8 | Bao giầy phòng mổ, dùng 01 lần | 3 bộ/ nhân viên y tế /6 nhân viên y tế /ngày | 100 đôi/hộp | 378 đôi (4 hộp) |
| 9 | Khẩu trang N95 | 3chiếc/ nhân viên y tế/ngày/6 nhân viên y tế /ngày | Chiếc | 378 |
| 10 | Khăn giấy lau tay | Hộp/cuộn | Hộp/cuộn | Theo nhu cầu |
| 11 | Dung dịch vệ sinh tay chứa cồn | Chai 500 ml có vòi bơm | Chai 500 ml có vòi bơm | 252 chai (126 lít) |
| 12 | Dung dịch xà phòng | Chai 500 ml có vòi bơm | Chai 500 ml có vòi bơm | 80 chai (40 lít) |
| 13 | Túi rác thải nguy hại loại thùng 30 lít | 60 chiếc/ngày | Chiếc | 1.260 |
| 14 | Túi rác thải nguy hại loại thùng 120 lít | 10 chiếc/ngày | Chiếc | 210 |

| | | | | |
|---|---|---|---|---|
| 15 | Chlorhexidine 0.12% súc miệng cho nhân viên y tế | Chai/200ml | Chai/200ml | 150 |
| 16 | Cloramin B 25% | 1,5kg/ngày | Kg | 32 |